UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

Số: 677/QĐ-SNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 29 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo thiết kế mô hình thực hành "Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích" tại thôn Lâm Cao, xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh
Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành NN thông minh thích ứng biến đổi khí hậu
Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Trị (WB7)

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Hiệp định tài trợ khoản vay số 5352-VN ngày 24/04/2014 giữa Nước CHXHCN Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA);

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/04/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Hiệp định tài trợ khoản vay số 5352-VN ngày 24/04/2014 giữa Nước CHXHCN Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA);

Căn cứ Quyết định số 1155/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Trị thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ Công văn số 776/BNN-TT ngày 17/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc điều chỉnh mô hình CSA thuộc Hợp phần 3 dự án WB7;

Quyết định số 508/QĐ-SNN ngày 04/10/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị về việc phê duyệt Báo cáo thiết kế mô hình CSA "Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích" tại xã Vĩnh Lâm (Vĩnh Linh) thuộc dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới Quảng Trị.

Xét tờ trình số 362TTr-DAWB7 ngày 13/12/2016 của Ban QLDA Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị về việc xin phê duyệt điều chỉnh Báo cáo thiết kế mô hình thực hành CSA "Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích" tại thôn Lâm Cao, xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh thuộc Hợp phần 3 dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Trị (WB7);

Theo đề nghị của Chi cục Trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tại Kết quả thẩm định số 488/TTBVTV – T.Trọt ngày 23/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo thiết kế mô hình thực hành CSA "Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên

đơn vị diện tích" tại thôn Lâm Cao, xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh với những nội dung chính sau:

1. Tên mô hình: Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích.

2. Địa điểm xây dựng: thôn Lâm Cao, xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

3. Diện tích triển khai mô hình: 9,8 ha.

4. Tên dự án thành phần: Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Trị.

5. Tên dự án: Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7).

6. Nội dung và lý do điều chỉnh bổ sung:

Điều chỉnh đơn giá các hạng mục giống lúa, phân bón (Urea, Lân super, Kali Clorua, Phân hữu cơ vi sinh, vôi bột) theo giá thị trường hiện nay tại địa phương.

7. Kinh phí thực hiện mô hình sau điều chỉnh:

- Kinh phí theo Quyết định số 508/QĐ-SNN: **1.694.023.000** đồng
- Điều chỉnh, bổ sung lần này (tăng): **+ 7.760.000** đồng
- Kinh phí thực hiện mô hình sau điều chỉnh: **1.701.783.000** đồng

(Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm linh một triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng)

Trong đó:

- Nguồn Tài chính từ dự án: **1.525.893.000** đồng

+ Vốn PPMU quản lý và sử dụng là: 1.329.535.000 đồng

+ Vốn giao HTX quản lý và sử dụng là: 196.358.000 đồng

- Nguồn vốn đóng góp của nông dân: **175.890.000** đồng

(Chi tiết có Phụ lục dự toán kèm theo).

8. Nguồn vốn: Vốn vay WB Hợp phần 3 dự án WB7 Quảng Trị.

Điều 2. Ban quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, căn cứ theo nội dung quyết định này thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà Tài trợ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giám đốc Ban quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị, Trưởng phòng Quản lý xây dựng công trình, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Ban CPO;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Trị;
- Tổ hỗ trợ kỹ thuật HP 3 của Sở;
- Lưu: VT, TTVBVTV.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG TRỊ

Trần Thanh Hiền

PHỤ LỤC DỰ TOÁN CHI TIẾT CHI PHÍ THỰC HIỆN MÔ HÌNH CSA ĐIỀU CHỈNH

"Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích"

tại thôn Lâm Cao, xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh

Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Trị (WB7

(Kèm theo Quyết định số 677/ QĐ-SNN ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị)

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Cả 3 năm		Vốn hỗ trợ từ dự án giao	
			Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	PPMU	HTX
	Diện tích:	Ha x Vụ	9,8		19,6		19,6		49,0			
I	**Hệ thống tưới/Tiêu**			**625.239**						**625.239**	**625.239**	
II	**Chi phí hỗ trợ dụng cụ sản xuất**			**180.500**						**180.500**	**172.500**	**8.000**
1	Bình phun chế phẩm Trichoderma bằng điện (Mega)	cái	4	6.000					4	6.000	6.000	
2	Thiết bị sạ hàng	cái	4	8.000					4	8.000		8.000
3	Công cụ làm cỏ bằng tay	cái	10	30.000					10	30.000	30.000	
4	Thiết bị cuốn rơm MRB0850 - STAR (bộ phận công tác)	cái	1	135.000					1	135.000	135.000	
5	Chỉ cuốn rơm	kg	10	500					10,0	500	500	
6	Ống đo mực nước trên ruộng	Cái	50	1.000					50	1.000	1.000	
III	**Chi phí hỗ trợ giống, vật tư, phân bón**			-		**180.124**		**180.124**		**360.248**		**184.358**
1	Giống	Kg			1.372,0	35.672	1.372,0	35.672	2.744,0	71.344		71.344
2	Phân bón					125.636		125.636		251.272		75.382
	Urea	Kg			*3.920,0*	*31.360*	*3.920,0*	*31.360*	*7.840,0*	*62.720*		*18.816*
	Lân super	Kg			*7.840,0*	*27.440*	*7.840,0*	*27.440*	*15.680,0*	*54.880*		*16.464*
	Kali Clorua	Kg			*2.352,0*	*17.640*	*2.352,0*	*17.640*	*4.704,0*	*35.280*		*10.584*

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Cả 3 năm		Vốn hỗ trợ từ dự án giao	
			Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	PPMU	HTX
	Phân HCVS	Kg			*11.760,0*	*30.576*	*11.760,0*	*30.576*	*23.520,0*	*61.152*		*18.346*
	Vôi bột	Kg			*9.800,0*	*14.700*	*9.800,0*	*14.700*	*19.600,0*	*29.400*		*8.820*
	Phân bón lá (Atonik, Kali Humat..)	Lít			*39,2*	*3.920*	*39,2*	*3.920*	*78,4*	*7.840*		*2.352*
3	Chế phẩm Trichoderma	Kg			78,4	18.816	78,4	18.816	156,8	37.632		37.632
IV	**Chi phí khác**					**258.098**		**258.098**		**535.796**	**531.796**	**4.000**
1	Đào tạo, tập huấn					-		-		-	-	-
	Tổ chức họp nông dân, thảo luận về các kế hoạch, lập kế hoạch, đánh giá, rút kinh nghiệm	*Lớp*			*6*	-	*6*	-	*12*	-		-
	Tập huấn hướng dẫn kỹ thuật cho toàn bộ ND tham gia MH trước mỗi vụ	*Lớp*			*4*	-	*2*	-	*6*	-	-	
	Huấn luyện nông dân Quản lý dịch hại theo IPM cải tiến	*Lớp*			*2*	-	*2*	-	*4*	-	-	
2	Hỗ trợ cán bộ chỉ đạo thực hiện MH *(01 cán bộ đi chỉ đạo 5 lần/tháng x 2 ngày/lần x 4 tháng/vụ x 2 vụ/năm)*					24.800		24.800		49.600	49.600	
	Khoán xăng xe, khấu hao xe (30km/lượt x 2 lượt/lần x 20 lần/vụ x 2 vụ x 2.000đ/km)	*Km*			*2.400*	*4.800*	*2.400*	*4.800*	*4.800*	*9.600*	*9.600*	
	Phụ cấp lưu trú (5 lần/tháng x 2 ngày/lần x 4 tháng/vụ x 2 vụ/năm)	*Ngày*			*80*	*12.000*	*80*	*12.000*	*160*	*24.000*	*24.000*	
	Khoán tiền nghỉ trọ (1 đêm/lần x 5 lần/tháng x 4 tháng/vụ x 2 vụ/năm)	*Đêm*			*40*	*8.000*	*40*	*8.000*	*80*	*16.000*	*16.000*	
3	Hội nghị đầu bờ	H. Nghị			2,0	13.000	2,0	13.000	4,0	26.000	26.000	
4	Chi phí cho sử dụng bản tin dự báo khí tượng nông nghiệp phục vụ cho các buổi họp					9.800		9.800		19.600	19.600	

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Cả 3 năm		Vốn hỗ trợ từ dự án giao	
			Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	PPMU	HTX
	Chi phí mua thông tin khí tượng thủy văn (gồm 4 bản tin (1 bản tin tháng, 3 bản tin tuần)/tháng x 7 tháng/năm)	*Tháng*			*7*	*7.000*	*7*	*7.000*	*14*	*14.000*	*14.000*	
	Hỗ trợ công biên soạn bản tin Khí tượng nông nghiệp (0.5 công/1 bản tin x 4 bản tin/tháng = 2 công /tháng x 7 tháng/năm)	*Công*			*14*	*2.800*	*14*	*2.800*	*28*	*5.600*	*5.600*	
5	Giám sát, đánh giá phát thải khí nhà kính	Vụ			2	218.298	2	218.298	4	436.596	436.596	
6	Bảng biểu mô hình	Cái			2	2.000	2	2.000	4	4.000		4.000
	Tổng chi hỗ trợ cho mô hình			**805.739**		**438.222**		**438.222**		**1.701.783**	**1.329.535**	**196.358**